

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 699/2023/HS-PT

Ngày: 15/9/2023

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1255/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Lê Mai H bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2022/HS-ST ngày 22/9/2022.

Bị cáo Lê Mai H sinh năm 1978; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số A T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần D; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Xuân Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có 01 con sinh ngày 18/8/2021; tiền án, tiền sự: không; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Hà Mạnh H1, Công ty Luật TNHH Hà Nguyễn thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố H nhận Công văn số 22345/QLXNC-P4 ngày 01/12/2020 của Cục Q3 - Bộ C8 kèm theo hồ sơ vụ việc, nội dung: Qua kiểm tra hành chính, Cục Q3 phát hiện Công ty cổ phần D do Lê Mai H là Giám đốc đã sử dụng pháp nhân của công ty bảo lãnh cho 11 người Trung Quốc được cấp thị thực và nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “chuyên gia”. Tuy nhiên, sau khi 11 người Trung Quốc này nhập cảnh vào Việt Nam chỉ có 01 người làm việc tại Công ty D, 10 người Trung Quốc đã không làm việc cho Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) mà làm việc cho các công ty khác, cụ thể:

- 04 người đang làm việc cho 2 Công ty ở Bắc Ninh là Công ty TNHH F1 và Công ty TNHH H7, gồm: S2 sinh ngày 18/01/1984; số hộ chiếu: E79369829; F2 sinh ngày 27/04/1978; số hộ chiếu E40235131; J1 sinh ngày 02/12/1994; số hộ chiếu EH8488962 và L2 sinh ngày 13/11/1979; số hộ chiếu: E51570165. Làm việc với Cơ quan Công an, cả 04 người trên đều thừa nhận thông qua Công ty D làm thủ tục xin bảo lãnh nhập cảnh, chi phí 17.500.000 đồng/người.

- 06 người đang làm việc tại các tỉnh phía Nam gồm thành phố Hồ Chí Minh (02 người), Bạc Liêu (02 người), Bà Rịa - Vũng Tàu (01 người), 01 người hiện chưa xác định được địa chỉ nơi ở, nơi làm việc.

Kết quả điều tra xác định:

Công ty cổ phần D (sau đây viết tắt là Công ty D); MSDN: 0315469444, địa chỉ: số I, ngõ B, cụm L, huyện H, thành phố Hà Nội; được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 27/4/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/12/2018 do Lê Mai H là Giám đốc. Ngoài ra, Công ty cổ phần D (sau đây gọi tắt là Công ty D) có 03 cổ đông người Trung Quốc là Song K sinh năm 1976, hộ chiếu số: E20333850; Wang Chuanping sinh năm 1969, hộ chiếu số: E46312450 và Zhao R sinh năm 1993, hộ chiếu số: E78861491; cấp phép hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu hàng hóa, máy móc... từ thị trường Trung Quốc phân phối tại Việt Nam ở quy mô và phạm vi nhỏ.

Tháng 6/2020, thông qua sử dụng pháp nhân của Công ty D bảo lãnh, Lê Mai H đã tổ chức cho 11 người Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam, cụ thể như sau:

Đầu tháng 6/2020, có 06 người Trung Quốc đang sinh sống tại Campuchia:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Ngày sinh	Số hộ chiếu
1.	Jia Yun Chong	Trung Quốc	02/12/1994	EH8488962
2.	Feng Yue Wei	Trung Quốc	27/04/1978	E40235131
3.	Han Yu Qiang	Trung Quốc	18/03/1988	G59498828
4.	Sun Yuan Hui	Trung Quốc	18/01/1984	E79369829

5.	Liu Wan Jiu	Trung Quốc	13/11/1979	EJ1570165
6.	Shi Xin Chang	Trung Quốc	26/9/1987	ED5909000

và 05 người sinh sống tại Trung Quốc:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Ngày sinh	Số hộ chiếu
1.	Zhu Chen Yi	Trung Quốc	15/08/1989	E03340913
2.	Xie Zhi Peng	Trung Quốc	02/10/1989	E96734664
3.	Wu Hao	Trung Quốc	03/12/1986	E04865929
4.	Yang Zhen Xing	Trung Quốc	22/11/1983	EG7999608
5.	Zhao Riyao	Trung Quốc	05/10/1993	E78861491

Do có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để làm việc, nhưng không được nhập cảnh vì Việt Nam hạn chế nhập cảnh với người nước ngoài để phòng chống dịch Covid19. Những người này đã liên hệ với Lê Mai H, Song K và đối tượng có mối quan hệ với Công ty D có tài khoản wechat “Xuanxuan 0808love” và “Jackson” để thuê dịch vụ làm thủ tục xin nhập cảnh Việt Nam.

Lê Mai H đến UBND thành phố H, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố H ... tìm hiểu thủ tục xin nhập cảnh cho người nước ngoài là chuyên gia. Ngày 16/6/2020, Lê Mai H làm các công văn, giấy tờ sử dụng pháp nhân của Công ty D gửi hồ sơ đến UBND thành phố H và Sở Y tế thành phố H bảo lãnh xin nhập cảnh và UBND tỉnh L, Sở Y tế tỉnh L, UBND tỉnh B, Sở Y tế tỉnh B bảo lãnh xin cách ly y tế cho 11 người Trung Quốc trên dưới danh nghĩa chuyên gia nhập cảnh Việt Nam làm việc cho Công ty D. Ngày 08, 09/7/2020, Lê Mai H tiếp tục làm công văn, giấy tờ sử dụng pháp nhân của Công ty D gửi hồ sơ đến Cục Q3 - Bộ C8 bảo lãnh xin thị thực nhập cảnh cho 11 người Trung Quốc trên. Để hợp thức hồ sơ gửi Sở Y tế thành phố H và Cục Q3 theo yêu cầu của các cơ quan này, Lê Mai H và Wang C1 đã làm các giấy chứng nhận của các trường, học viện và Cơ quan chức năng Trung Quốc cấp cho 11 người Trung Quốc trên để chứng minh nguồn gốc “chuyên gia” của những người này. Đồng thời ký không các hợp đồng với Công ty TNHH S3 (Hợp đồng số 05.11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2019); với Công ty TNHH F1 và Công ty S4 Co.,ltd (Hợp đồng mua bán 03 bên Số YM191113 ngày 13/11/2019) và sử dụng hợp đồng 03 bên ký với Công ty TNHH B3 và Công ty S4 (Phụ lục hợp đồng số NW171208 ký ngày 28/7/2019) để chứng minh nhu cầu sử dụng lao động là chuyên gia nước ngoài của Công ty D để xin thị thực nhập cảnh cho 11 người Trung Quốc trên.

Sau khi Cục Q3 - Bộ C8 có văn bản đồng ý cấp thị thực cho 11 người Trung Quốc trên, Lê Mai H là người tổ chức đón, làm thủ tục nhập cảnh, thực hiện cách ly y tế cho những người này. Đối với 04 người nhập cảnh qua cửa

khẩu H8 gồm Zhu C, Xie Z, Wu H2, Yang Zhen X và Zhao R, Lê Mai H cử Nguyễn Thị N là nhân viên Công ty D đón, làm thủ tục. Đối với 06 người nhập cảnh qua cửa khẩu H9 (Bình Phước) gồm S5, Han Y, Jia Y, Feng Y, Sun Yuan H3 và Liu W, Lê Mai H thuê một người quen (không nhớ thông tin) đón và làm thủ tục cho S5 và Han Y; 04 người còn lại tự làm thủ tục.

Sau khi hết cách ly, Zhao R về làm việc tại Công ty D, còn lại 10 người Trung Quốc gồm: Jia Y, Feng Y, Sun Yuan H3 và Liu Wan J đến làm việc tại Công ty F1 (Bắc Ninh); S5 đến làm việc tại Công ty J2 (Long An); Han Yu Qiang đến làm việc tại Công ty C9 (Trà Vinh); Zhu C và Wu H vào thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà tại địa chỉ P, P, KĐT V, quận B, thành phố Hồ Chí Minh để ở và kinh doanh tự do; Xie Z và Yang Zhen X về Bạc Liêu nhưng không xác định được nơi làm việc cụ thể.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Mai H thừa nhận sử dụng pháp nhân của Công ty D bảo lãnh, tổ chức cho 10 người Trung Quốc trên nhập cảnh nhưng không làm việc tại Công ty D, Công ty D không ký hợp đồng lao động, không trả lương, không đóng bảo hiểm, không làm thủ tục xin giấy phép lao động cho 10 người Trung Quốc được bảo lãnh nhập cảnh. Những người này đi đâu, làm gì Lê Mai H không nắm được. Lê Mai H nhận thức việc sử dụng pháp nhân của Công ty D bảo lãnh, tổ chức cho 10 người Trung Quốc nhập cảnh nhưng thực tế không làm việc tại Công ty D, không quản lý, giám sát với những người này là sai. Lê Mai H xác nhận sử dụng tài khoản wechat “lmhoavn” để liên lạc, trao đổi làm thủ tục bảo lãnh nhập cảnh cho Han Yu Q.

Ngoài Công ty D, Lê Mai H còn dùng pháp nhân của Công ty F1, Công ty TNHH T2, Công ty S3, Công ty J2 và Công ty TNHH B3 để bảo lãnh xin thị thực nhập cảnh cho 10 người Trung Quốc trên.

* Kết quả xác minh tại Cục Q3 - Bộ C8 và UBND thành phố H và Sở Y tế thành phố H đối với hồ sơ, tài liệu Công ty DHD nộp xác định:

Đối với hồ sơ Công ty D nộp tại Cục Q3 - Bộ C8: 06 người gồm Sun Y, Feng Y, Jia Y, Liu W, Shi Xin C2 và H4 Yu Qiang làm việc theo Hợp đồng mua bán số 05.11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2019 của Công ty D ký với Công ty TNHH S3 (gọi tắt là Công ty S3) và Hợp đồng mua bán máy móc số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020 của Công ty DHD ký với Công ty TNHH J2 (gọi tắt là Công ty J2); 04 người Zhu Chen Yi, Xie Z, Wu H2 và Yang Zhen X làm việc theo phụ lục Hợp đồng mua bán 03 bên số NW171208 ký ngày 28/7/2019 giữa Công ty D với Công ty S4 Co.,ltd và Công ty TNHH B3 (gọi tắt là Công ty B3); và Hợp đồng mua bán 03 bên Số YM191113 ngày 13/11/2019 với Công ty TNHH F1 (gọi tắt là Công ty F1) và Công ty S6.,ltd. Các hợp đồng trên đều là bản photo. Kết quả ghi lời khai đối với đại diện pháp luật các Công ty trên, xác định:

- Đỗ Mạnh C3 - Giám đốc Công ty B3 khai: Năm 2017, ông C3 mua lại quyền sở hữu Công ty B3. Trước đó, Công ty TNHH B3 có ký Hợp đồng mua bán số NW171208 ngày 08/12/2017 với Công ty S6.,ltd. Để tiếp tục thực hiện hợp đồng này, ngày 28/7/2019 ông C3 đã ký phụ lục hợp đồng trên với sự tham gia của Công ty D đóng vai trò là đơn vị bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Thời gian thực hiện hợp đồng đến tháng 6/2020. Ông C3 cung cấp cho Cơ quan điều tra bản sao Hợp đồng mua bán số NW171208 ngày 08/12/2017 và Phụ lục Hợp đồng NW171208 ngày 28/7/2019.

- Nguyễn Thị Q1 - Giám đốc Công ty S3 khai: Không ký hợp đồng mua bán máy móc với Công ty D, không quen biết Lê Mai H.

- Đối với Ling Zong C4 - Giám đốc Công ty F1 khai: Không ký hợp đồng 3 bên số YM191113 ngày 13/11/2019 với Công ty D và Công ty S6.,ltd. Không quen biết Lê Mai H, không biết Công ty D.

- Đối với Nguyễn Thị C5 - Giám đốc Công ty J2 khai có ký hợp đồng mua bán máy móc số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020 với Công ty D nhưng sau đó do máy móc không phù hợp nên không tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, ngoài bản photo ảnh chụp hợp đồng, Nguyễn Thị C5 không cung cấp được bất kì giấy tờ gì khác.

Ngoài ra, Lou Chao B là chồng của Nguyễn Thị C5 khai: Công ty D gửi file mềm của hợp đồng cho Công ty J2, sau đó Lê Mai H trực tiếp đến Công ty để ký.

- Shi Xin C2 khai: Hợp đồng mua bán máy móc số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020 của Công ty D ký với Công ty J2 được lập không phục vụ cho việc nhập cảnh của người này.

Đối với hồ sơ Công ty DHD nộp tại UBND thành phố H và Sở Y tế thành phố H:

Có 08 chứng nhận của 10 người Trung Quốc do các Học viện, trường Đại học và cơ quan chức năng của Trung Quốc cấp. Về nguồn gốc các chứng nhận này Nguyễn Thị N, nhân viên Công ty D khai: Wang Chuanping đưa và yêu cầu đi dịch thuật công chứng để nộp bổ sung trong hồ sơ nộp tại Sở Y tế thành phố H. N đã mang chứng chỉ đến Văn phòng D1 (95, S, Kim M, B, thành phố Hà Nội) để dịch thuật, công chứng. Sau khi dịch thuật, công chứng bản gốc các chứng chỉ trên N chuyển lại cho Wang Chuan P. N đã gọi điện thông báo cho Lê Mai H biết việc Sở Y tế yêu cầu nộp tài liệu chứng minh chuyên gia của người Trung Quốc nhập cảnh.

Cơ quan điều tra ghi lời khai của 06 người Trung Quốc có tên trong 08 chứng nhận: Sun Y, Feng Y, Liu W, Zhu C, Han Y và Shi Xin C2. Ngoài Shi Xin C2 khai được cấp, 05 người còn lại đều khẳng định không được cấp và không biết gì về các chứng nhận này. Shi Xin Chang được cấp chung một giấy chứng nhận với Sun Yuan H3 và H Yu Qiang nên lời khai của đối tượng này là

có dấu hiệu gian dối. Kiểm tra hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp: Bằng chứng nhận tốt nghiệp cấp cho đối tượng Jia Yun C trên ghi Trường Cao đẳng P, dưới ghi Trường Đại học K cấp cho J1 sinh ngày 02/12/1994 Hiệu trưởng cấp bằng ngày 30/6/2002, lúc đó đối tượng Jia Yun C6 mới có 8 tuổi.

06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam khai:

Trong 10 người Trung Quốc được công ty D bảo lãnh nhập cảnh có 04 trường hợp (Jia Y, Wu H2, Xie Z và Yang Zhen X) đã xuất cảnh. Cơ quan điều tra đã triệu tập ghi lời khai 06 người còn cư trú tại Việt Nam gồm những người sau:

- Đối với 03 người Sun Yuan Hui, Feng Y và Liu Wan J cùng khai nhận: Trước khi nhập cảnh Việt Nam đều là nhân viên của Công ty TNHH Đ1 (Trung Quốc). Tháng 3/2020, 03 người này cùng với Jia Y Chong được Li Hai Y1 (*sinh năm 1978, Hộ chiếu số: E79369829, Giám đốc phụ trách sản xuất, kinh doanh của Công ty F1*) hướng dẫn sang Campuchia để nhập cảnh Việt Nam do Việt Nam và C7 cũng đóng cửa biên giới nên không thực hiện được. 04 người được Li Hai Ying yêu cầu gửi ảnh chụp hộ chiếu, ảnh chụp chân dung và chờ ở Campuchia. Khoảng tháng 7/2020, 04 người được Li Hai Ying thông qua W thông báo đã xin được thị thực, hướng dẫn số người này làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam, đồng thời gửi vé máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội cho họ. Trước đó, Li Hai Y1 lập một nhóm Wechat gồm 04 người nhập cảnh, Li Hai Y1, Xuanxuan0808love và Ling Z để trao đổi, liên lạc. Ngày 19/7/2020, 04 người trên nhập cảnh tại cửa khẩu H (Bình Phước), về cách ly tại Trung tâm y tế L3. Khi hết cách ly, 04 người thuê xe ô tô ra sân bay T bay ra Nội B1 và được công ty F1 đón đưa về Bắc Ninh. Thủ tục, chi phí xin nhập cảnh do Li Hai Y1 làm và chi trả nên không biết bao nhiêu tiền. Cả 03 người không biết, không quan hệ gì với Lê Mai H và Công ty D, không làm cho Công ty nào khác ngoài Công ty F1.

Sun Yuan H3 khai sau khi nhập cảnh vào Việt Nam ngày 19/7/2020 qua Cửa khẩu H9, Bình Phước, cách ly 14 ngày, được người đón ra Sân bay T bay ra Sân bay N. Sau đó được đón về Công ty TNHH F1 địa chỉ tỉnh Bắc Ninh làm việc. Trình độ văn hóa lớp 9/12, không có bằng cấp kỹ sư, chuyên môn gì, làm công nhân. Công việc làm tại Công ty là kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm gỗ, không tham gia lắp ráp máy móc dây chuyền sản xuất. Sun Yuan H3 không biết Công ty D và Lê Mai H.

Feng Yue W1 khai sau khi nhập cảnh vào Việt Nam ngày 19/7/2020 qua Cửa khẩu H9, Bình Phước, cách ly 14 ngày, được người đón ra Sân bay T bay ra Sân bay N. Sau đó được đón về Công ty TNHH F1 tại tỉnh Bắc Ninh làm việc, không được đào tạo và có bằng chuyên môn, kỹ thuật. Công việc làm tại Công ty là quản lý sản xuất phân xưởng, làm thêm lắp đặt điều chỉnh thông số kỹ thuật của phân xưởng. Feng Yue W1 không biết Công ty D và Lê Mai H.

Liu Wan J khai sau khi nhập cảnh vào Việt Nam ngày 19/7/2020 qua Cửa khẩu H9, Bình Phước, cách ly 14 ngày, được người đón ra Sân bay T bay ra Sân bay N. Sau đó được đón về Công ty TNHH F1 địa chỉ tỉnh Bắc Ninh làm việc. Trình độ văn hóa hết cấp 3 tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, sau đó làm công nhân, không được đào tạo và có bằng cấp chuyên môn kỹ thuật.

Ngoài nội dung trên, Feng Yue W1 khai: Feng Yue W được người quen giới thiệu người có địa chỉ Wechat Xuanxuan 0808love có khả năng làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam. Feng Yue W1 là người thông báo và đề nghị Li Hai Y1 liên hệ với “Xuanxuan 0808love” để làm thủ tục nhập cảnh cho 04 người ở Campuchia.

- Đối với Zhu Chen Y2, Han Y, Shi Xin C2:

Zhu C: Làm nghề kinh doanh thiết bị điện tử tại Trung Quốc. Tháng 6/2020, Z Chen Yi muốn nhập cảnh Việt Nam để tìm hiểu thị trường kinh doanh nên đã lên mạng Internet tìm kiếm sau đó liên hệ với 01 người Trung Quốc có tài khoản Wechat “Jackson” thuê làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam với giá 14.000 nhân dân tệ (chi phí cách ly 4000 nhân dân tệ). Zhu Chen Y2 đã chuyển số tiền trên cho “Jackson” qua ứng dụng Wechat. Zhu Chen Yi chỉ gửi ảnh chụp hộ chiếu và ảnh chân dung cho “Jackson” để làm thủ tục. “Jackson” có lập 01 nhóm wechat gồm người này, Zhu C và Wu H2 để trao đổi, hướng dẫn làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam. Ngày 15/7/2020, Zhu Chen Y2 được “Jackson” thông báo qua Wechat có thị thực và yêu cầu ngày 21/7/2020 có mặt tại cửa khẩu H8 làm thủ tục nhập cảnh và cùng Wu H2 cách ly y tế tại khách sạn P1.

Zhu Chen Y2 khai sau khi nhập cảnh vào Việt Nam ngày 21/7/2020 qua Cửa khẩu H9, Bình Phước, cách ly 14 ngày, không làm việc cho Công ty D. Trình độ văn hóa học Trường Đại học Đ, G, Trung Quốc. Yi được đào tạo về Công nghệ thông tin, không được đào tạo lĩnh vực sửa chữa máy móc. Zhu Chen Yi nhận dạng Bằng tốt nghiệp Học viện K2 thông tin khẳng định ảnh thẻ là ảnh của Y2 nhưng khẳng định Bằng đại học không phải của Y2. Sau khi hết cách ly, Zhu C và W2 thuê xe về Hà Nội và được “Jackson” cho địa chỉ Công ty D (cụm L, H, Hà Nội) để nghỉ trước khi vào thành phố Hồ Chí Minh; thông báo sẽ được Lê Mai H đón ở đây và đưa ra sân bay N cùng đi thành phố Hồ Chí Minh. “Jackson” lập nhóm wechat gồm người này, Zhu Chen Y2, Wu H2 và Lê Mai H, đồng thời cho số điện thoại của Lê Mai H để liên hệ. Zhu Chen Y2 và Wu H2 đến Công ty D, sau đó gặp Lê Mai H ở sân bay N và bay cùng chuyến vào thành phố Hồ Chí Minh. Z4 thuê nhà tại địa chỉ P, P, KĐT V, quận B, thành phố Hồ Chí Minh để ở và kinh doanh tự do. Wu Hao ở cùng đến tháng 10/2020 thì về Trung Quốc.

Zhu Chen Y2 không biết Lê Mai H, không quan hệ gì với Công ty D. Zhu Chen Y2 nhận dạng Lê Mai H và chỉ biết H là người được “Jackson” giới thiệu đi cùng chuyến bay. Ngoài ra, Zhu C nhận dạng Nguyễn Thị N là người đón, làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu H8 và Zhao R là người cùng nhập cảnh.

Han Yu Qiang: Đầu năm 2020, Han Y có ý định nhập cảnh Việt Nam để làm việc cho Công ty TNHH C9 (Trà Vinh) nhưng không được nên Han Yu Q đã sang Campuchia để nhập cảnh Việt Nam. Tại Campuchia, Han Yu Q được một người bạn giới thiệu với người có tên Song K (tài khoản W3) để giúp làm thủ tục nhập cảnh. Song Kaiqing thỏa thuận với H10 chi phí xin nhập cảnh là 25 triệu đồng, chỉ cần gửi ảnh chụp hộ chiếu. Sau đó, S Kai Qing giới thiệu Han Yu Qiang liên hệ và được Lê Mai H (tài khoản Wechat: lmhoavn) trực tiếp làm thủ tục nhập cảnh. Han Yu Q khai sau khi nhập cảnh vào Việt Nam ngày 18/7/2020 qua Cửa khẩu H9, Bình Phước, cách ly 14 ngày, được Công ty D bảo lãnh, không làm việc cho Công ty D, làm việc tại Công ty D2, nhân viên chuyển phát nhanh. Trình độ văn hóa tốt nghiệp Trung học cơ sở tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Han Yu Qiang nhận dạng Giấy chứng nhận thành tích khoa học công nghệ tỉnh H khẳng định không phải là giấy chứng nhận Qiang được cấp, đây là giấy do Lê Mai H làm để làm hồ sơ nhập cảnh, nhận dạng được hộ chiếu dán ảnh Q do Q gửi cho H làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam. Han Yu Qiang nhận dạng được qua bản ảnh Lê Mai H là người nhận hồ sơ làm thủ tục cho Q4 tháng 7/2020. Sau khi nhập cảnh, Han Y đã chuyển cho Song K1 Qing 25 triệu đồng qua W. Ngày 18/7/2021, Han Yu Q nhập cảnh tại cửa khẩu H9. Sau khi hết cách ly, Han Y thuê xe về Trà Vinh làm việc tại Công ty TNHH C9-J.

Han Yu Q biết Lê Mai H là người trực tiếp làm thủ tục nhập cảnh và công ty D là pháp nhân bảo lãnh nhập cảnh nhưng không làm việc cho công ty này. Han Yu Q biết công ty S3 vì có bạn làm quản lý ở đây nhưng cũng không làm việc ở đây. Tháng 9/2020, H4 Yu Qiang gặp Lê Mai H tại thành phố Hồ Chí Minh. H10 nhận dạng được Lê Mai H và cung cấp cho Cơ quan điều tra nội dung trao đổi qua ứng dụng Wechat với H liên quan việc bảo lãnh nhập cảnh.

Shi Xin C2: Cùng Lou Chao B (chồng của Nguyễn Thị C5) chung vốn mở Công ty J2. Đầu năm 2020, Shi X có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam làm việc tại đây nên đã nhập cảnh sang Campuchia, sau đó nhập cảnh Việt Nam nhưng không được. Tại Campuchia, Shi Xin C gặp Han Y và được giới thiệu liên hệ Song Kaiqing để làm thủ tục xin nhập cảnh Việt Nam. Shi Xin Chang thỏa thuận với S7 chi phí làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam với giá 750 USD. Sau đó, S1 Xin C2 được Song K cho tài khoản wechat của Lê Mai H để trực tiếp liên hệ làm thủ tục. Ngày 05/6/2020, Shi Xin C2 chuyển cho Lê Mai H 500 USD qua wechat và được H hướng dẫn làm thủ tục nhập cảnh khi xin được thị thực. Ngày 18/7/2020, Shi Xin C2 nhập cảnh tại cửa khẩu H9, sau khi hết cách ly thuê xe về Công ty J2 làm việc. Ngày 02/8/2020, S5 chuyển cho Song Kai Qing 250 USD còn lại qua wechat.

Liên quan đến chứng chứng nhận thành tích khoa học và công nghệ tỉnh H số 20191453 cấp cho 03 người gồm Shi Xin Chang, Han Y và Sun Yuan H3: S5 khẳng định không được cấp chứng nhận này vì không được đào tạo và không được cấp bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn gì.

- Cơ quan điều tra ghi lời khai *Zhao Riyao*, xác định: Năm 2017, Zhao R góp cổ phần vào Công ty D làm ăn với Lê Mai H. Đầu năm 2020, Zhao R về Trung Quốc ăn tết, do dịch bệnh nên không quay lại được. Việt N1 đã yêu cầu Lê Mai H làm thủ tục xin nhập cảnh. Khoảng đầu tháng 7/2020, Lê Mai H gửi cho danh sách 05 người trong đó có Zhao R đề nghị mở mã xuất cảnh tại Trung Quốc. Z5 gửi danh sách xin xuất cảnh với hải quan Trung Quốc. Sau khi được chấp thuận, Zhao R thông báo cho Lê Mai H. Ngày 21/7/2020, Zhao R đến cửa khẩu H8 để làm thủ tục nhưng không sử dụng mã xuất cảnh đã đăng ký mà khai báo trực tiếp. Zhao R không quen biết 04 người này. Sau khi nhập cảnh, Zhao R cách ly với Yang Z và Xie Z tại khách sạn B4 và cùng thuê xe về Hà Nội khi hết cách ly. Hai người này sau đó đi đâu Zhao R không biết. Zhao R gặp Wu H2 và Zhu C tại Công ty D và biết 02 người này vào thành phố Hồ Chí Minh nhưng không biết cụ thể làm gì, ở đâu.

Z5 nhận dạng được Zhu C là người được Công ty DHD bảo lãnh cùng nhập cảnh vào ngày 21/7/2020 và sau đó gặp lại tại Công ty D ở L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Xác minh tại Phòng Q5 - Công an tỉnh L, Sở Y tế tỉnh B, Sở Y tế tỉnh H, Sở Y tế thành phố H xác minh việc các Công ty S3, Công ty J2, Công ty F1, Công ty B3, Công ty T2 đứng tên pháp nhân bảo lãnh nhập cảnh cho 10 người Trung Quốc trên, xác định: Ngoài Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh L xác nhận có nhận được công văn bảo lãnh của Công ty J2 và Công ty S3 bảo lãnh cho H10, các cơ quan còn lại đều khẳng định không nhận được hồ sơ đứng tên các công ty trên bảo lãnh cho người Trung Quốc.

- Xác minh tại cơ quan thuế về tình trạng hoạt động của Công ty D, Y3, J, 26868 và các công ty khác liên quan trong vụ án xác định: Công ty J2 Công ty thực hiện kê khai thuế từ quý 1/2020 đến quý 3/2020 nhưng không phát sinh hoạt động kinh doanh trong giai đoạn này, không kê khai thuế đối với hợp đồng số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020; Công ty S3 thực hiện kê khai thuế đến quý 2/2020 nhưng không phát sinh hoạt động kinh doanh và đã giải thể vào tháng 9/2020.

- Xác minh tại Công an Thị trấn K (huyện T, tỉnh Hà Nam) việc khai báo tạm trú của X3 và Yang Zhen X xác định: Thời điểm từ tháng 7 đến tháng 9/2020, 02 người Trung Quốc trên không có tên trong danh sách Công ty B3 đăng ký tạm trú.

Ngân hàng N4 (V) và Ngân hàng Đ2 (B5) cung cấp 03 tài khoản ngân hàng của Lê Mai H, xác định: Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7/2020, 03 tài khoản không có giao dịch chuyển nhận tiền với các đối tượng liên quan trong vụ án và người Trung Quốc nhập cảnh. Từ ngày 05/8 đến tháng 12/2020, tài khoản số 0331000440702 của Lê Mai H mở tại Ngân hàng V có 09 giao dịch chuyển tiền với tài khoản số 5604205007713 của Đặng Thị N2 mở tại Ngân

hàng N5 với tổng số tiền 74.250.000 đồng, nội dung trả tiền cách ly cho người nước ngoài của các công ty nhưng không có Công ty D.

Đặng Thị N2 là nhân viên Trung tâm y tế huyện L3 khai: được Lê Mai H nhờ chi trả các chi phí phát sinh thêm như đồ dùng sinh hoạt, nước uống... trong quá trình cách ly của 06 người Trung Quốc và chuyển khoản trả cho N2 nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Sao kê tài khoản trên của Đặng Thị N2 trong tháng 7/2020 có 03 giao dịch chuyển khoản của Lê Mai H với tổng số tiền 4.890.000 đồng vào các ngày 22, 25, 28/7/2020 không ghi nội dung chi.

Nguyễn Thị L - Chủ khách sạn B4 khai: Khách sạn B4 không còn lưu giữ danh sách khách nhập cảnh vì máy tính bị phá hỏng không khôi phục được dữ liệu. Việc thanh toán chi phí đối với khách thực hiện cách ly tại khách sạn đều thực hiện qua chuyển khoản nhưng bà L không nhớ số tài khoản của mình.

Nguyễn Thị Mai A – Chủ khách sạn P1 khai: Từ 21/7/2020 đến 03/8/2020 khách sạn P1 có 02 khách Trung Quốc tên Zhu Chen Y2 (sinh năm 1989) và Wu H2 (sinh năm 1986) là người của Công ty D lưu trú thực hiện cách ly. Việc thực hiện cách ly không ký hợp đồng. Sau khi hết thời hạn cách ly người của Công ty D đến khách sạn thanh toán chi phí số tiền 19.600.000 đồng nhưng không có biên lai hay hóa đơn thu tiền.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội “Thông báo số 325406 về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài của công ty D” liên quan đến Z5. Ngày 14/7/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H có công văn số 3051/KH&ĐT-KTĐN xác nhận phát hành Thông báo số 325406 ngày 08/9/2017.

Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 21/3/2020 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng chống dịch Covid-19 yêu cầu “... *Tạm dừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài vào Việt Nam áp dụng từ 0 giờ ngày 22/3/2020. Riêng đối với trường hợp nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ và các trường hợp đặc biệt (khách nước ngoài tham dự, phục vụ các hoạt động đối ngoại quan trọng; chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật cao...)*... thực hiện cấp thị thực...”.

Trong 10 đối tượng nhập cảnh thì đã xác định 07 đối tượng không phải là chuyên gia vì: *Không có văn bản xác nhận là chuyên gia của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài; Không có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam, không đủ điều kiện cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam.*

Các đối tượng liên quan :

- Đối với Li Hai Y1 - Giám đốc Công ty F1 khai: Đầu năm 2020, Công ty F1 có nhu cầu đưa 04 lao động từ Trung Quốc sang Việt Nam để làm việc nhưng do đóng cửa biên giới nên không thực hiện được. Qua tìm hiểu, Li H5

Ying biết có thể nhập cảnh qua nước thứ ba thực hiện cách ly sau đó nhập cảnh Việt Nam nên đã hướng dẫn 04 người nhập cảnh Campuchia nhưng sau khi hết cách ly 04 người này không nhập cảnh được nên Li Hai Ying yêu cầu 04 người chờ ở đây. Khoảng đầu tháng 6/2020, F Yue Wei liên lạc và gửi cho Li H5 Ying tài khoản Wechat của người có tên “Xuanxuan 0808love” đề nghị liên hệ để thuê làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam. Li Hai Ying liên hệ và thỏa thuận với người này chi phí thủ tục nhập cảnh 2000 NDT/người, chỉ phải gửi ảnh chụp hộ chiếu. Li Hai Ying đề nghị lấy pháp nhân công ty F1 bảo lãnh nhưng sau đó “Xuanxuan 0808love” thông báo là không được, việc tìm công ty bảo lãnh do “Xuanxuan 0808love” chủ động. Li Hai Y1 lập một nhóm Wechat gồm 04 người nhập cảnh, Li Hai Y và X1 0808 love để trao đổi sau đó có thêm Ling Zong C4 (Giám đốc Công ty F1). Đến đầu tháng 7/2020, X1 0808love thông báo đã xin được thị thực nhập cảnh. Li Hai Ying mua vé máy bay gửi qua wechat cho 04 người trên để bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội. Sau khi 04 người trên nhập cảnh, Li Hai Y1 đã trả số tiền trên cho “xuanxuan 0808love” qua ứng dụng Wechat. Li Hai Ying không biết công ty bảo lãnh, không biết Công ty D, không biết Lê Mai H và chưa gặp “xuanxuan 0808love”. Mọi giao dịch liên lạc đều qua W.

- Đối với Nguyễn Thị N - Nhân viên Công ty D: Từ tháng 11/2018 làm việc ở Công ty D với vị trí là nhân viên bán hàng. Tháng 6/2020, N được Lê Mai H yêu cầu đem nộp hồ sơ xin nhập cảnh của 10 người Trung Quốc trên tại Sở Y tế thành phố H. Hồ sơ do Lê Mai H chuẩn bị sẵn, N chỉ là người cầm đi nộp, không được tham gia, bàn bạc gì liên quan đến việc làm hồ sơ, thủ tục nhập cảnh. Ngày 21/7/2020, N được Lê Mai H yêu cầu lên của khẩu Hữu Nghị đón, làm thủ tục nhập cảnh 05 người Trung Quốc. N được H nói đây là người của Công ty D. N khẳng định là nhân viên nên chỉ làm theo yêu cầu của H không biết thông tin gì về người nhập cảnh, không được hưởng bất cứ lợi ích gì từ việc này. Nguyễn Thị N còn nhiều lần nộp, nhận hồ sơ tại UBND thành phố H, tỉnh Lạng Sơn, Sở Y, Sở Y tế tỉnh L, đón khách nước ngoài nhập cảnh tại cửa khẩu H8 theo yêu cầu của Lê Mai H.

- Đối với Nguyễn Thị Q1 khai: Khoảng tháng 4/2020, Lý Thiện Z1-chồng của Q1 yêu cầu bên bán máy cho công ty S3 cử người đến sửa máy bị hỏng. Bên bán máy đã cho Lý Thiện Z1 thông tin của Han Yu Q đề nghị bảo lãnh cho người này sang Việt Nam. Sau đó, Q1 được Lê Mai H liên hệ và cho nhân viên đến đề nghị Q1 ký, đóng dấu hồ sơ lấy pháp nhân công ty S3 bảo lãnh cho H10 nhập cảnh.

- Đối với Nguyễn Thị C5 khai: Shi Xin C2 là người được công ty D cử đến để lắp đặt máy. Lời khai của C5 mâu thuẫn với lời khai của Shi Xin C2.

- Đối với Vũ Thanh T - Trưởng Văn phòng D1 khai: Văn phòng tiếp nhận hồ sơ dịch thuật, công chứng của Nguyễn Thị N vào ngày 22/6/2020. Tài liệu dịch thuật gồm 08 bản dịch tiếng Trung Quốc, 03 bản dịch tiếng Anh với tổng

số tiền thanh toán là 1.260.000 đồng. Văn phòng đã xuất hóa đơn bán hàng số HD002894 cho Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, do văn phòng không có chức năng công chứng nên đã chuyển tài liệu cho văn phòng công chứng đối tác để thực hiện nhưng Vũ Thanh T không nhớ chuyển cho văn phòng nào.

- Đối với Trịnh Như T1 - Trưởng văn phòng C10 khai: Văn phòng công chứng Trịnh Như T1 thực hiện việc chứng thực chữ ký của Nguyễn Thị Thùy L1 là người phiên dịch các chứng nhận trên. Số chứng thực là 2203, quyển số 1-TP/CC-SCC/BD ngày 22/6/2020. Nguyễn Thị Thùy L1 là cộng tác viên dịch thuật của Văn phòng.

Kết luận giám định số 7755 ngày 03/11/2021, Phòng K3 - Công an thành phố H kết luận (bút lục số 3567): *“Chữ ký đứng tên Lê Mai H trên các mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Lê Mai H trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký ra; Hình dấu tròn “Công ty cổ phần D” trên các mẫu cần giám định với hình dấu tròn “Công ty cổ phần D” trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.”*

Kết luận giám định số 6560 ngày 31/8/2021, Phòng K3 - Công an thành phố H kết luận (bút lục số 3543-3544): *“Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn có nội dung “Văn phòng công chứng Trịnh Như T1” trên các mẫu cần giám định với hình dấu tròn có nội dung “Văn phòng công chứng Trịnh Như T1” trên các mẫu so sánh có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trịnh Như T1 trên các mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Trịnh Như T1 trên các mẫu so sánh có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.”*

Các đương sự Nguyễn Thị Q1 - Giám đốc Công ty TNHH S3; Nguyễn Thị C5 - Giám đốc Công ty TNHH J2; Han Y sinh năm 1988, hộ chiếu số: G59498828; S5 sinh năm 1987, hộ chiếu số: ED5909000; Luo Chao B2 sinh năm 1979, hộ chiếu số: E14594090 là chồng của Nguyễn Thị C5; Lý Thiện Z2 sinh năm 1968, hộ chiếu số: EA8463315 là chồng của Nguyễn Thị Q1 có bổ sung và thay đổi nội dung một số lời khai liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Mai H, cụ thể:

- Đối với Nguyễn Thị Q1:

Liên quan đến việc bảo lãnh nhập cảnh cho Han Yu Q: Han Y là bạn của Lý Thiện Z2 (chồng của Q1). Han Yu Qiang liên hệ với chồng Q1 nhờ bảo lãnh sang Việt Nam làm việc. Do là đồng hương và cũng muốn Han Yu Qiang sang Việt Nam giúp sửa máy móc nên chồng Q1 đồng ý lấy pháp nhân Công ty TNHH S3 (gọi tắt là Công ty S3) bảo lãnh cho H10 sang Việt Nam. Hồ sơ thủ tục sử dụng pháp nhân của Công ty S3 bảo lãnh cho H10 do Lê Mai H làm và chuyển cho Q1 ký (khi làm việc với Cơ quan điều tra, Q1 mới biết người làm hồ sơ nhập cảnh cho Han Yu Q và chuyển cho Q1 ký tên Lê Mai H). Q1 đã ký, đóng dấu một số giấy tờ để bảo lãnh cho Han Yu Q nhưng không nhớ cụ thể là

giấy tờ gì. Tuy nhiên, hồ sơ sử dụng pháp nhân của Công ty S3 bảo lãnh cho H10 không được chấp nhận vì thời điểm đó tỉnh Long An không đồng ý cho người nước ngoài nhập cảnh. Sau đó, Q1 không biết Han Yu Qiang nhập cảnh Việt Nam như thế nào, Công ty nào bảo lãnh, làm việc gì, ở đâu, chỉ khi Han Y đến chơi Q1 mới biết người này nhập cảnh Việt Nam. Han Yu Q không sửa chữa máy móc cũng không làm việc tại Công ty S3. Việc đồng ý lấy pháp nhân Công ty S3 bảo lãnh cho Han Yu Qiang chỉ là giúp người này, Q1 không hưởng lợi gì từ việc này.

Liên quan Hợp đồng số 05.11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2019 ký giữa Công ty S3 và Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D): Q1 không biết gì về Công ty Cổ phần D, không hợp tác làm ăn gì với Công ty D; không ký hợp đồng số 05.11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2019 với Công ty D. Q1 không biết Lê Mai H là ai.

- Đối với Lý Thiện Z2: Có quen biết Han Yu Q (thường gọi là Tiểu H6) qua nhóm Wechat của Hiệp hội S8 tại Việt Nam. H10 có nhờ Lý Thiện Z3 giúp sang Việt Nam làm việc. Lý Thiện Z2 đồng ý sử dụng pháp nhân Công ty S3 để bảo lãnh cho Han Yu Qiang vì muốn nhờ người này xem giúp máy móc. Lý Thiện Z2 sau đó gửi cho H6 Yu Qiang giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty S3 và số điện thoại của Nguyễn Thị Q1 để liên hệ nhờ ký giấy tờ bảo lãnh. Việc làm thủ tục bảo lãnh cho H10 sau đó thế nào Lý Thiện Z2 không biết.

Lý Thiện Z2 không biết thông tin gì về công ty DHD, không biết Lê Mai H cũng như cá nhân nào khác ở Công ty D, không biết gì về hợp đồng số 05.11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2019 ký giữa Công ty S3 và Công ty D.

- Đối với Han Yu Q: H10 quen biết Lý Thiện Z2 qua nhóm wechat của hội đồng hương và được biết Lý Thiện Z2 là chủ của Công ty S3. Do có nhu cầu vào Việt Nam làm việc, Han Y nhờ Lý Thiện Z2 và Nguyễn Thị Q1 lấy pháp nhân Công ty S3 bảo lãnh nhập cảnh Việt Nam. H10 đã liên hệ Song Kai Q2 (sử dụng tài khoản wechat: Song05210613) để thuê làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam với chi phí 750USD. Sau đó, Han Y được Song Kai Q2 giới thiệu Lê Mai H (*sử dụng tài khoản wechat Lmhoavn*) để liên hệ trực tiếp làm các thủ tục. Ban đầu, Lê Mai H làm thủ tục lấy pháp nhân của Công ty S3 bảo lãnh cho Han Yu Qiang nhưng hồ sơ bảo lãnh của Công ty S3 không được chấp nhận do tỉnh Long An không đồng ý cho người nước ngoài nhập cảnh. Lê Mai H sau đó sử dụng pháp nhân của Công ty D bảo lãnh cho H10. Sau khi nhập cảnh Việt Nam, Han Yu Q có đến chơi với vợ chồng Lý Thiện Z2, Nguyễn Thị Q1 chứ không sửa máy móc, không làm việc tại Công ty S3. Han Yu Q không trả chi phí gì cho Công ty S3 để bảo lãnh sang Việt Nam.

Trước đây, Han Y khai chi phí trả cho S9 để xin nhập cảnh là 25 triệu đồng. Số tiền này bao gồm cả chi phí nhập cảnh và cách ly y tế. Thực tế, chi phí nhập cảnh Han Yu Q đã trả cho Song K1 Qing là 750 USD.

Liên quan đến Hợp đồng mua bán máy móc số 05/11/2019/HĐMBMM ngày 05/11/2029 giữa Công ty S3 và Công ty D: Trong thời gian ở Campuchia chờ làm thủ tục, Han Y được Lê Mai H và Song Kai Qing liên lạc thông báo qua wechat phải có hợp đồng ký giữa Công ty S3 và Công ty của Lê Mai H để hợp thức việc bảo lãnh. Sau đó, Han Yu Q nhận được dự thảo hợp đồng trên gửi qua wechat nhưng không nhớ là Lê Mai H hay Song Kai Qing gửi. Han Yu Q không biết hợp đồng trên được ký kết như thế nào, chưa nhìn thấy hợp đồng có chữ ký và đóng dấu. Han Yu Qiang không trao đổi nội dung thông tin này cho Nguyễn Thị Q1 và Lý Thiện Z2.

- Đối với Nguyễn Thị C5:

Liên quan đến việc bảo lãnh nhập cảnh cho Shi Xin C2: Shi Xin Chang là bạn của Luo Chao B2 (chồng của Nguyễn Thị C5). Tháng 01/2020, vợ chồng Nguyễn Thị C5 thành lập Công ty TNHH J2 (gọi tắt là Công ty J2) và đã liên hệ mời Shi Xin Chang sang làm việc. Việc liên hệ làm thủ tục nhập cảnh do Shi Xin C2 chủ động thực hiện. Sau đó, S1 Xin Chang liên hệ với vợ chồng Nguyễn Thị C5 đề nghị lấy pháp nhân của Công ty J2 để bảo lãnh nhập cảnh. Sau đó, S1 Xin C2 giới thiệu Lê Mai H cho Luo Chao B2 để cung cấp thông tin làm thủ tục nhập cảnh. Nguyễn Thị C5 được Luo Chao B2 đưa cho các giấy tờ để ký và đóng dấu pháp nhân của Công ty J2 để bảo lãnh cho S5 nhưng không nhớ cụ thể là các giấy tờ gì. Tuy nhiên, hồ sơ bảo lãnh của Công ty J2 không được chấp nhận do thời điểm đó tỉnh Long An không đồng ý cho người nước ngoài nhập cảnh. Nguyễn Thị C5 không biết Công ty nào sau đó đứng tên bảo lãnh nhập cảnh cho S1 Xin Chang chỉ biết đầu tháng 8/2020, S1 Xin Chang đến Công ty Y4 làm việc cho đến nay. Mục đích lấy pháp nhân Công ty J2 bảo lãnh nhập cảnh cho S1 Xin Chang là để làm việc tại Công ty, không thu lợi gì từ việc này.

Liên quan đến Hợp đồng số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020: Nguyễn Thị C5 khẳng định Công ty J2 không có quan hệ làm ăn gì với Công ty D, không ký hợp đồng số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020; Nguyễn Thị C5 không quen biết và chưa bao giờ gặp Lê Mai H.

Việc Nguyễn Thị C5 thay đổi lời khai là do phải làm việc nhiều lần với Cơ quan điều tra nên thấy không thể tiếp tục che giấu, cần khai đúng sự thật khách quan của vụ án. Lời khai trước đây với Cơ quan điều tra do S5 trao đổi lại theo hướng dẫn của Lê Mai H.

- Đối với Luo Chao B2:

Liên quan đến việc bảo lãnh cho S5: Khoảng năm 2018-2019, Luo Chao B2 làm việc tại Công ty TNHH Đ3 (Tây Ninh) và quen biết Shi X2 Chang tại đây. Tháng 01/2020, vợ chồng Luo Chao B2 thành lập Công ty J2, do biết Shi X2 Chang có tay nghề cao nên đã liên hệ mời sang Việt Nam làm việc. Việc tìm người làm dịch vụ nhập cảnh Việt Nam do Shi Xin C2 chủ động liên hệ thực hiện. Sau đó, Luo Chao B2 được Shi X2 Chang giới thiệu Lê Mai H và Shong K

để trao đổi làm thủ tục bảo lãnh. Luo Chao B2 đã chuyển cho Lê Mai H giấy p đăng ký kinh doanh của Công ty J2 để làm thủ tục sử dụng pháp nhân Công ty này bảo lãnh cho S5. Hồ sơ, tài liệu làm thủ tục bảo lãnh cho S5 đều do Lê Mai H làm sau đó chuyển cho Luo Chao B2 đem về đưa cho Nguyễn Thị C5 ký, đóng dấu. Luo Chao B2 trực tiếp gặp Lê Mai H 01 lần tại khu Công nghiệp H (Long An) để nhận hồ sơ tài liệu bảo lãnh nhưng Luo Chao B2 không biết là tài liệu gì vì đều soạn thảo bằng tiếng Việt. Tuy nhiên sau đó, hồ sơ do Công ty J2 bảo lãnh không được chấp nhận do thời điểm đó tỉnh Long An không đồng ý cho người nước ngoài nhập cảnh. Sau đó Lê Mai H tiếp tục sử dụng pháp nhân của Công ty D để bảo lãnh cho S5 nhập cảnh. Việc Công ty D bảo lãnh cho S5 cụ thể như thế nào, chi phí bao nhiêu Luo Chao B2 không biết vì S1 Xin C2 là người trực tiếp liên hệ và chi trả chi phí với Lê Mai H. Đầu tháng 8/2020, Shi Xin C2 đến Công ty J2 làm việc cho đến nay.

Mục đích lấy pháp nhân Công ty J2 bảo lãnh nhập cảnh cho S1 Xin Chang là để làm việc tại Công ty, không thu lợi gì từ việc này. Sau khi, S Xin Chang nhập cảnh, Luo Chao B2 hỗ trợ cho người này 10 triệu hỗ trợ nhập cảnh.

Liên quan đến hợp đồng số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020: Luo Chao Bin được Song Kai Qing liên hệ thông báo cần có một hợp đồng ký giữa Công ty J2 với Công ty của Song Kai Qing để hợp thức việc bảo lãnh cho S1 Xin C2 nhưng S9 nói sẽ tự xử lý việc này. Luo Chao B2 khẳng định không biết thông tin gì về Công ty D và giữa Công ty J2 với Công ty D không có hợp tác kinh doanh gì.

Lý do Luo Chao B2 thay đổi lời khai do làm việc nhiều lần với Cơ quan điều tra nên thấy không thể tiếp tục che giấu, cần khai đúng sự thật khách quan của vụ án. Lời khai trước đây với Cơ quan điều tra do S5 trao đổi lại theo hướng dẫn của Lê Mai H.

- Đối với Shi Xin C2:

Liên quan đến việc nhập cảnh: S5 thừa nhận quen biết Luo Chao B2 khi cùng làm việc tại Công ty TNHH Đ3 (Tây Ninh); được vợ chồng Luo Chao B2 và Nguyễn Thị C5 mời sang để làm việc tại Công ty J2. Việc làm các thủ tục xin nhập cảnh Việt Nam do Shi Xin C2 tự liên hệ và chi trả chi phí cho Song K và Lê Mai H. Ban đầu, Lê Mai H làm thủ tục sử dụng pháp nhân của Công ty J2 bảo lãnh cho S5 nhưng hồ sơ này không được chấp nhận do tỉnh Long An không đồng ý cho người nước ngoài nhập cảnh. Sau đó, Lê Mai H sử dụng pháp nhân Công ty J2 bảo lãnh cho S5. Sau khi nhập cảnh, Shi Xin C2 đến làm việc tại Công ty J2 cho đến nay.

Liên quan đến chứng chứng nhận thành tích khoa học và công nghệ tỉnh H số 20191453 cấp cho 03 người gồm Shi Xin Chang, Han Y và Sun Yuan H3: S5 khẳng định không được cấp chứng nhận này vì không được đào tạo và không được cấp bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn gì.

Liên quan đến Hợp đồng số 20-01/2020/HĐMBMM ngày 20/01/2020:
Ngày 13/7/2020, Song Kai Qing liên hệ qua Wechat thông báo cho S5 biết phải ký một hợp đồng giữa Công ty J2 và Công ty của Song Kai Qing là Công ty bảo lãnh để hợp thức việc nhập cảnh. Đến ngày 17/7/2020, Lê Mai H gửi dự thảo hợp đồng trên vào nhóm wechat cho Shi Xin C2. Nhóm wechat gồm 06 người: Lê Mai H, Song Kai Q2, Shi Xin C, Han Y và 02 người nữa nhưng Shi Xin C2 không nhớ tên. Shi Xin C2 đã thông báo cho Luo Chao B2 và đề nghị S9 trao đổi thông tin về việc ký hợp đồng giữa Công ty J2 và Công ty của Song K với Luo Chao B2. S5 không biết hợp đồng trên được ký thế nào, Song Kai Q có trao đổi với Luo Chao B2 hay không.

Khoảng tháng 9/2020, Song Kai Q2 liên lạc đề nghị S5 cung cấp cho 01 bản hợp đồng có đóng dấu Công ty J2. Shi Xin Chang in hợp đồng lưu trong điện thoại sau đó đóng dấu của Công ty J2 và chụp ảnh gửi cho Song Kai Q2. Ảnh chụp hợp đồng này sau đó Shi Xin C2 đã in và giao nộp khi làm việc với Cơ quan điều tra.

S5 đã cung cấp cho Cơ quan điều tra nội dung các cuộc trao đổi qua wechat với Lê Mai H và S9 còn lưu giữ trong điện thoại liên quan đến việc làm dịch vụ xin nhập cảnh, thanh toán chi phí dịch vụ, ký hợp đồng không để hợp thức việc Công ty D bảo lãnh cho đương sự.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Mai H thừa nhận sử dụng pháp nhân của Công ty D bảo lãnh, tổ chức cho 10 người Trung Quốc trên nhập cảnh nhưng không làm việc tại Công ty D không ký hợp đồng lao động, không trả lương, không đóng bảo hiểm, không làm thủ tục xin giấy phép lao động cho 10 người Trung Quốc được bảo lãnh nhập cảnh. Tuy nhiên, Lê Mai H cho rằng việc sử dụng pháp nhân của công ty D bảo lãnh cho 10 người Trung Quốc theo các hợp đồng của công ty D đã ký với các đối tác đúng quy định và bản thân không được hưởng lợi gì từ việc tổ chức nhập cảnh cho 10 người Trung Quốc.

Đối với các đối tượng người Việt Nam: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C5, Nguyễn Thị Q1, cán bộ thẩm định Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố H và người Trung Quốc: Li Hai Ying, Ling Z, Lý Thiện Z2, Luo Chao B2, Cơ quan điều tra xác định hành vi không đủ căn cứ xác định đồng phạm với Lê Mai H nên không đề nghị xử lý.

Đối với Song K và W: Hai đối tượng đã xuất cảnh về Trung Quốc, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai nên không có căn cứ xử lý hành vi vi phạm.

Đối với nội dung liên quan 08 chứng nhận chuyên gia và 03 hợp đồng mua bán máy móc trong hồ sơ Công ty D gửi Sở Y và Cục Q3 - Bộ C8, Cơ quan điều tra xác định có dấu hiệu làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do thời hạn điều tra đã hết, yêu cầu tương trợ tư pháp chưa có kết quả, Cơ quan điều tra tách rút tài liệu tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Đối với nội dung liên quan xin gia hạn thời hạn cư trú của 04 người Trung Quốc, hành vi này độc lập với Lê Mai H, Cơ quan điều tra sẽ tách rút tài liệu để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với nội dung liên quan 18 công ty thuê Lê Mai H làm dịch vụ nhập cảnh cho người Trung Quốc, Cơ quan điều tra chưa thu thập đủ tài liệu và làm việc được với đại diện pháp luật của các công ty nên sẽ trích rút tài liệu tiếp tục điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2022/HS-ST ngày 22/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Mai H 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2022, bị cáo Lê Mai H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị xem xét trách nhiệm của những người liên quan, tránh bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ điều tra, xét xử sơ thẩm lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại với lý do: việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ, không khách quan; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo; các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Lê Mai H về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; mức hình phạt 05 năm tù đối với bị cáo là phù hợp, đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Mai H có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của Lê Mai H, tội danh và điều luật áp dụng:

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Lê Mai H cho rằng bị cáo làm thủ tục cho những người Trung Quốc trên nhập cảnh vào Việt Nam là đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, nhưng bị cáo cũng xác nhận trong số những người bị cáo làm thủ tục nhập cảnh chỉ có 01 người làm việc trực tiếp cho Công ty D, còn những người khác không làm việc trực tiếp cho Công ty D. Bị cáo cho rằng những người trên đủ điều kiện nhập cảnh vào Việt Nam vì họ là người có tay nghề cao, được Công ty D đề nghị cho nhập cảnh để làm việc tại các công ty đối tác của Công ty D, bị cáo không thỏa thuận trực tiếp với họ, không nhận tiền, không được hưởng lợi gì, nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định Lê Mai H là giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty D; bị cáo là người trực tiếp ký các văn bản đề nghị và chuẩn bị các tài liệu của Công ty D gửi UBND thành phố H, Sở Y tế thành phố H, Cục Q3, Bộ C8 đề nghị cho 11 người Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trong thời điểm dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, trong đó có 07 người bị xác định nhập cảnh không đúng quy định của pháp luật là: Jia Y, Feng Y, Han Y, Sun Yuan H3, Liu W, Shi Xin C2 và Z4; các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty D với các công ty khác mà Lê Mai H cho rằng có quan hệ kinh tế với Công ty D cần tiếp nhận chuyên gia Trung Quốc sang làm việc bị xác định là hợp đồng không (*bản thân bị cáo và các công ty trên đều không cung cấp được bản gốc các hợp đồng đó; Công ty D và các công ty tham gia ký các hợp đồng đều không xuất hóa đơn, không hạch toán và kê khai thuế đối với các hợp đồng đó; lời khai của Nguyễn Thị Q1, Lý Thiện Z2, Nguyễn Thị C5, Luo Chao B2 thể hiện đây là các hợp đồng không có giao dịch thực, được soạn thảo nhằm hợp thức hóa thủ tục nhập cảnh cho những người Trung Quốc không đủ điều kiện nhập cảnh vào Việt Nam*); kết quả điều tra thể hiện trong số những người Trung Quốc bị cáo làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam có nhiều người không đủ điều kiện xác định là chuyên gia theo quy định của Nhà nước; Công ty D do bị cáo làm giám đốc đã sử dụng các văn bằng, chứng chỉ không có thật để nộp hồ sơ đề nghị nhập cảnh cho những người đó (*như có người mới 8 tuổi đã được cấp bằng đại học, có đối tượng mới học cấp 3 nhưng xác định tốt nghiệp đại học, chính bản thân những người được ghi tên trên các văn bằng không biết các văn bằng đó, xác nhận không được cấp các văn bằng đó...*); lời khai của 07 người Trung Quốc bị xác định nhập cảnh không đúng đối tượng đều khai họ không biết về Công ty D của bị cáo, sau khi được nhập cảnh vào Việt Nam không làm việc cho Công ty D, khi được nhập cảnh vào Việt Nam họ phải trả tiền cho các đối tượng làm thủ tục nhập cảnh với số tiền 25.000.000 đồng, 18.000 nhân dân tệ và 1.500 USD; lời khai của Nguyễn Hồng N3, nhân viên Công ty D về việc Lê Mai H là người yêu cầu N3 mang hồ sơ của 10 người Trung Quốc nộp tại Sở Y tế, hồ sơ do H chuẩn bị sẵn; kết quả điều tra thể hiện Lê Mai H là người thanh toán, chi trả các khoản tiền cách ly y tế cho những người Trung Quốc được nhập cảnh vào Việt

Nam. Chính bản thân bị cáo Lê Mai H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng xác nhận sau khi 07 người Trung Quốc trên được nhập cảnh vào Việt Nam họ đi đâu, làm việc cho các Công ty nào bị cáo không nắm được. Mặc dù bị cáo không thừa nhận việc nhận tiền của những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhưng căn cứ lời khai các đối tượng đã được H làm thủ tục nhập cảnh trái phép thể hiện những người này đã phải trả các khoản tiền cho người làm thủ tục nhập cảnh với số tiền 25.000.000 đồng, 18.000 nhân dân tệ và 1.500 USD; nội dung trao đổi trên tài khoản Wechat Lmhoa mà bị cáo khai có sử dụng, căn cứ việc bị cáo có chuyển tiền cho chị N2 tại Trung tâm Y tế tỉnh B để trả tiền cách ly cho các đối tượng nhập cảnh, có cơ sở xác định bị cáo có nhận tiền từ các đối tượng nhập cảnh trái phép. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời điểm dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, cả nước đang phòng chống dịch Covid 19. Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa X4 đã có chỉ thị tạm dừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài vào Việt Nam từ 0 giờ ngày 22/3/2020, để hạn chế tối đa việc lây lan dịch bệnh trong cộng đồng. Tuy nhiên, lợi dụng chính sách của Nhà nước tạo điều kiện và hỗ trợ cho người nước ngoài là nhà đầu tư, chuyên gia kỹ thuật, lao động tay nghề cao, nhà quản lý doanh nghiệp nhập cảnh vào Việt Nam. Khoảng giữa tháng 6/2020 đến tháng 7/2020, Lê Mai H sử dụng pháp nhân Công ty D với chức danh Giám đốc, cấu kết với các đối tượng liên quan giả mạo hồ sơ chuyên gia nước ngoài, làm thủ tục nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, hợp thức hóa hồ sơ xin nhập cảnh cho 07 người Trung Quốc gồm: Jia Y, Feng Y, Han Y, Sun Yuan H3, Liu W, S1 Xin C2 và Zhu C để hưởng lợi bất chính tổng số tiền 119.557.300 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Lê Mai H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép” quy định tại các điểm c, đ khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai về hành vi của mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội lần đầu. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về mức hình phạt, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo để xử phạt bị cáo 05 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là đã thể hiện sự khoan hồng, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, không có tình tiết nào mới để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo. Về hình phạt bổ sung, do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và đang nuôi con nhỏ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về việc xem xét trách nhiệm của những người liên quan: các đối tượng Song K và Wang C1 đã xuất cảnh về Trung Quốc, cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai nên chưa có căn cứ để xử lý, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Mai H; giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 402/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Mai H 05 (năm) năm tù tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Bị cáo Lê Mai H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan THAHS-CA TP Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh